

Bản án số: **02/2021/LĐ-PT**

Ngày 10-01-2022

V/v tranh chấp tiền lương

rút ngắn thời giờ làm việc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí;
Ông Nguyễn Trung Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLPT-LĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT, ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bò Văn N, sinh năm 1954 và ông Dương Đức V, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số 122, Đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2020).

- Bị đơn: Công ty C Việt Nam.

Địa chỉ: Khu công nghiệp T, Tổ 14, Ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kweon Dae J – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc nhân sự. (Văn bản ủy quyền ngày 20/02/2020).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Quách Thị H.

(Ông Bô Văn N, ông Dương Đức V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2019 và 15/11/2019, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 07/5/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Sau khi nghỉ hưu, bà Quách Thị H tiếp tục làm việc tại Công ty Công nghệ C Việt Nam (gọi tắt là Công ty C) theo hợp đồng lao động số: 10092714/HĐ, ngày 27/12/2010 xác định thời hạn 02 năm (từ ngày 27/12/2010 đến ngày 26/12/2012) và hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 10092714/HĐ không thời hạn/HD, ngày 27/12/2012. Công việc của bà H là chăm sóc sức khỏe, thời gian làm việc là 08 giờ/ngày. Ngày 03/12/2018, Công ty C ra Quyết định thôi việc số: 28-18/QĐTV chấm dứt hợp đồng lao động với bà H. Tiền lương và phụ cấp của bà H trước khi nghỉ việc là 12.396.000 đồng/tháng.

Ngày 03/10/2012, bà H tròn 55 tuổi nhưng vẫn làm việc 08 giờ/ngày đến khi nghỉ việc. Theo khoản 2 Điều 166 Bộ luật lao động 2012 quy định: “2. *Người lao động cao tuổi được rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc được áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian*”. Như vậy, từ ngày Bộ luật lao động 2012 có hiệu lực (01/5/2013), Công ty C không rút ngắn thời giờ làm việc hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian đối với bà H là vi phạm pháp luật lao động. Sau khi nghỉ việc, Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H là 01 phút/ngày làm việc với số tiền 2.555.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi của bà H vì mỗi ngày bà H phải được rút ngắn thời giờ làm việc ít nhất 01 giờ theo quy định khoản 10 Điều 3 Nghị định số: 45/2013/NĐ-CP, ngày 10/5/2013 của Chính phủ.

Vì vậy, bà Quách Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc là 01 giờ/ngày x 150% từ ngày Bộ luật lao

động 2012 có hiệu lực (01/5/2013) đến ngày làm việc cuối cùng trước khi thôi việc với tổng số tiền là 132.356.129 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty C Việt Nam trình bày:

Công ty C thống nhất với lời trình bày của bà H về việc ký kết các hợp đồng lao động, quá trình thực hiện hợp đồng, thời giờ làm việc và việc chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng lao động, bà H đã được giải thích cụ thể về thời giờ làm việc là 08 giờ/ngày, bà H đồng ý nên hai bên mới ký hợp đồng lao động. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty C trả tiền lương được rút ngắn thời giờ làm việc trong thời hạn 5 năm và yêu cầu tính tiền làm thêm giờ là không có căn cứ vì Công ty C đã trả đầy đủ tiền lương cho bà H. Mặt khác, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai cũng không chấp nhận yêu cầu trả tiền lương được rút ngắn thời giờ làm việc khi bà H khiếu nại. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện V áp dụng: Điều 166, 167, 200 và 201 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị H về việc yêu cầu Công ty C Việt Nam phải thanh toán tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/8/2020, nguyên đơn bà Quách Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 166 Bộ luật lao động 2012 thì người lao động cao tuổi được rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc được áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian. Theo Văn bản số: 536/LĐTBXH-PC, ngày

02/3/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thể hiện: “Việc rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian theo quy định tại khoản 2 Điều 166 Bộ luật lao động là trách nhiệm của người sử dụng lao động; việc không thực hiện quy định này của người sử dụng lao động là chưa phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, từ ngày 01/5/2013, Công ty C không rút ngắn thời giờ làm việc đối với bà H là vi phạm pháp luật lao động. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc là có căn cứ.

Theo khoản 10 Điều 3 Nghị định số: 45/2013/NĐ-CP, ngày 10/5/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành khoản khoản 3 Điều 166 của Bộ luật lao động năm 2012 quy định: “10. Thời giờ làm việc được rút ngắn mỗi ngày ít nhất 01 giờ đối với người lao động cao tuổi trong năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu”. Công ty C chỉ trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H là 01 phút/ngày làm việc với số tiền 2.555.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi của bà H. Vì vậy, bà H yêu cầu Công ty C phải trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H từ ngày 01/5/2013 đến khi nghỉ việc 03/12/2018 mỗi ngày làm việc là 01 giờ (tiền lương làm thêm giờ) là có căn cứ.

Bà H yêu cầu tính số giờ làm việc được rút ngắn toàn bộ theo thời giờ làm việc ban ngày và tiền lương cơ bản để làm căn cứ tính trả lương là có lợi cho bị đơn. Vì vậy, buộc Công ty C phải trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H từ ngày 01/5/2013 đến khi nghỉ việc 03/12/2018 là 106.108.634 đồng.

Bà H đã nhận số tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc là 2.555.000 đồng khi chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, Công ty C còn phải trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H là 106.108.634 đồng - 2.555.000 đồng = 103.553.634 đồng.

Từ những phân tích trên việc kháng cáo của bà H là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà H yêu cầu Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc với tổng số tiền là 132.356.129 đồng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà H đề nghị Tòa án căn cứ vào bảng chấm công của Công ty C và mức lương cơ bản của bà H để yêu cầu Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc từ ngày 01/5/2013 đến khi nghỉ việc với tổng số tiền là 106.908.224 đồng. Công ty C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các hợp đồng lao động được ký kết giữa bà H và Công ty C, thỏa ước lao động tập thể cũng như nội quy công ty đều không thỏa thuận hoặc quy định về việc rút ngắn thời giờ làm việc. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 166 Bộ luật lao động 2012: *“2. Người lao động cao tuổi được rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc được áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian”*. Mặt khác, theo Văn bản số: 536/LĐTBXH-PC, ngày 02/3/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thể hiện: *“Việc rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian theo quy định tại khoản 2 Điều 166 BLLĐ là trách nhiệm của người sử dụng lao động; việc không thực hiện quy định này của người sử dụng lao động là chưa phù hợp với quy định của pháp luật”*. Do đó, từ ngày Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực (01/5/2013), Công ty C không rút ngắn thời giờ làm việc hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian đối với bà H là vi phạm pháp luật lao động, không đảm bảo quyền lợi của người lao động. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc là có căn cứ.

Về thời giờ được rút ngắn: Khoản 2 Điều 166 của Bộ luật lao động năm 2012 không quy định cụ thể thời giờ làm việc được rút ngắn đối với người lao động cao tuổi. Tuy nhiên, khoản 10 Điều 3 Nghị định số: 45/2013/NĐ-CP, ngày 10/5/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành khoản 3 Điều 166 của Bộ luật lao động năm 2012 quy định: *“10. Thời giờ làm việc được rút ngắn mỗi ngày ít nhất 01 giờ đối với người lao động cao tuổi trong năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu”*. Xét khoản 2 và 3 Điều 166 của Bộ luật lao động năm 2012 đều quy định về rút ngắn thời giờ làm việc đối với người lao động cao tuổi, vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của người lao động, cần buộc Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H từ ngày 01/5/2013 đến khi nghỉ việc 03/12/2018 mỗi ngày làm việc là 01 giờ. Số giờ rút ngắn thời giờ làm việc của bà H là làm thêm giờ theo quy định tại Điều 106 Bộ luật lao động năm 2012 nên Công ty C phải trả tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật lao động năm 2012.

Theo bảng chấm công (bút lục 219 đến 229) và bảng lương (bút lục 211 đến 218) của Công ty C thì bà H làm việc ca ngày và ca đêm, tiền lương gồm tiền lương cơ bản và các khoản phụ cấp. Tuy nhiên, bà H yêu cầu tính số giờ làm việc được rút ngắn toàn bộ theo thời giờ làm việc ban ngày và tiền lương cơ bản để làm căn cứ tính trả lương là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty C phải trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H, cụ thể:

- Từ ngày 01/5/2013 đến 31/12/2013: Số giờ rút ngắn thời giờ làm việc là 190 giờ, tiền lương cơ bản là 5.626.000 đồng/tháng. Số tiền rút ngắn thời giờ

làm việc: $190 \text{ giờ} \times [(5.626.000 \text{ đồng/tháng} \div 26 \text{ ngày}) \div 8 \text{ giờ}] \times 150\% = 7.708.701 \text{ đồng}; (1)$

- Năm 2014: Số giờ rút ngắn thời giờ làm việc là 291 giờ, lương cơ bản là 6.798.000 đồng/tháng. Số tiền rút ngắn thời giờ làm việc: $291 \text{ giờ} \times [(6.798.000 \text{ đồng/tháng} \div 26 \text{ ngày}) \div 8 \text{ giờ}] \times 150\% = 14.265.995 \text{ đồng}; (2)$

- Năm 2015: Số giờ rút ngắn thời giờ làm việc là 286,5 giờ, lương cơ bản là 8.210.000 đồng/tháng. Số tiền rút ngắn thời giờ làm việc: $286,5 \text{ giờ} \times [(8.210.000 \text{ đồng/tháng} \div 26 \text{ ngày}) \div 8 \text{ giờ}] \times 150\% = 16.962.728 \text{ đồng}; (3)$

- Năm 2016: Số giờ rút ngắn thời giờ làm việc là 290 giờ, lương cơ bản là 9.728.000 đồng/tháng. Số tiền rút ngắn thời giờ làm việc: $290 \text{ giờ} \times [(9.728.000 \text{ đồng/tháng} \div 26 \text{ ngày}) \div 8 \text{ giờ}] \times 150\% = 20.344.615 \text{ đồng}; (4)$

- Năm 2017: Số giờ rút ngắn thời giờ làm việc là 288 giờ, lương cơ bản là 10.943.000 đồng/tháng. Số tiền rút ngắn thời giờ làm việc: $288 \text{ giờ} \times [(10.943.000 \text{ đồng/tháng} \div 26 \text{ ngày}) \div 8 \text{ giờ}] \times 150\% = 22.727.769 \text{ đồng}; (5)$

- Năm 2018: Số giờ rút ngắn thời giờ làm việc là 274 giờ, lương cơ bản là 12.196.000 đồng/tháng. Số tiền rút ngắn thời giờ làm việc: $274 \text{ giờ} \times [(12.196.000 \text{ đồng/tháng} \div 26 \text{ ngày}) \div 8 \text{ giờ}] \times 150\% = 24.098.826 \text{ đồng}. (6)$

Tổng tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc của bà H là: $(1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) = 7.708.701 \text{ đồng} + 14.265.995 \text{ đồng} + 16.962.728 \text{ đồng} + 20.344.615 \text{ đồng} + 22.727.769 \text{ đồng} + 24.098.826 \text{ đồng} = \mathbf{106.108.634 \text{ đồng}}$. Bà H đã nhận số tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc là 2.555.000 đồng khi chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, Công ty C còn phải trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà H là $106.108.634 \text{ đồng} - 2.555.000 \text{ đồng} = \mathbf{103.553.634 \text{ đồng}}$.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Quách Thị H, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty C trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà Quách Thị H tổng số tiền **103.553.634 đồng**.

[2] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Công ty C phải chịu án phí lao động sơ thẩm là: $103.553.634 \text{ đồng} \times 3\% = 3.106.609 \text{ đồng}$.

- Bà Quách Thị H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Quách Thị H, sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

- Áp dụng Điều 97, 106 và 166 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị định số: 45/2013/NĐ-CP, ngày 10/5/2013 của Chính phủ; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị H đối với bị đơn Công ty C Việt Nam về việc “Tranh chấp tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc”.

Buộc Công ty C Việt Nam phải trả tiền lương rút ngắn thời giờ làm việc cho bà Quách Thị H với tổng số tiền là 103.553.634 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Công ty C Việt Nam phải chịu 3.106.609 đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Bà Quách Thị H không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Triệu Thị Huỳnh Hoa